

Số: 153 /TB-PTQĐ

Quảng Trị, ngày 11 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện Dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Đợt 3)

Thực hiện thông báo số 4025/TB-UBND ngày 13/11/2025 của UBND phường Đồng Hới về việc Thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Đợt 2); Thông báo số: 2597 /TB-UBND ngày 19/5/2026 của UBND phường Đồng Hới về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Thông báo lại lần 1).

Căn cứ khoản 3, Điều 87, Luật Đất đai năm 2024; điểm B, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc Hội, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới tiến hành niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình

1. Địa điểm công khai: Tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới, Nhà văn hóa TDP Diêm Bình, TDP Đức Ninh Đông phường Đồng Hới, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường Đồng Hới và gửi trực tiếp đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

2. Thời gian công khai: 10 ngày, bắt đầu từ ngày 11 tháng 8 năm 2026 đến hết ngày 21 tháng 8 năm 2026.

3. Nội dung: Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo
Trong thời gian thực hiện niêm yết công khai, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng có ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thì ghi ý kiến bằng văn bản (theo mẫu Phiếu lấy ý kiến đã đính kèm theo Phương án công khai) gửi về Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: Số 08 – Văn Cao, phường Đồng Hới – tỉnh Quảng Trị) để Trung tâm xem xét và giải quyết. Thời gian gửi về chậm nhất trước ngày 19 /8/2026.

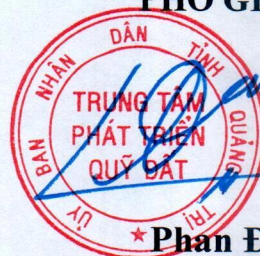
Chi tiết liên hệ Đ/c Đặng Hữu Nhật Long – Viên chức phòng GPMB. Số ĐT: 0855.259.777

Trung tâm Phát triển quỹ đất thông báo đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng được biết, đồng thời kính đề nghị Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới tham gia phối hợp thực hiện./. *u*

Nơi nhận: *u*

- UBND phường Đồng Hới;
- Văn phòng HĐND-UBND phường Đồng Hới;
- Trung tâm phục vụ HCC phường Đồng Hới;
- Công ty TNHH Đầu tư 533 Miền Trung;
- Tổ trưởng TDP Diêm Bình và TDP Đức Ninh Đông
- Các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng;
- Lưu: VT, GPMB.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



★ Phan Đăng Hải

PHƯƠNG ÁN CÔNG KHAI VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Công trình: Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Đợt 3)

(Kèm theo Thông báo số: 153/TB-PTQĐ ngày 11 tháng 8 năm 2026)

I. CÁC CĂN CỨ CHUNG:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/12/2025 Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2024/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc quy định bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Công văn số 532/UBND-NNMT ngày 09/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị V/v triển khai công tác quản lý đất đai sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực đất đai được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Thông báo số: 4025/TB-UBND ngày 13/11/2025 của UBND phường Đồng Hới về việc Thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Đợt 2)

Căn cứ Thông báo số: 2597 /TB-UBND ngày 19/5/2026 của UBND phường Đồng Hới về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Thông báo lại lần 1)

Căn cứ Chính lý địa chính và Thống kê kết quả đo đạc công trình Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới, tại phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới tỉnh Quảng Trị) do Trung tâm PTQĐ tỉnh lập ngày 18/4/2025 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 18/4/2025;

Căn cứ Giấy xác nhận số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026 của UBND phường Đồng Hới V/v xác nhận các nội dung thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB Dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng Kỳ ngày 01 tháng 11 năm 2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Cục thống kê tỉnh Quảng Trị về việc cung cấp số liệu năng suất cây lúa các vụ từ năm 2022-2025;

Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng tài sản thực tế bị ảnh hưởng.

II. NỘI DUNG:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 15.238,1 m²

Trong đó:

-Diện tích hộ gia đình, cá nhân sử dụng (LUC): 15.238,1 m²

2. Tổng số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi và tài sản bị ảnh hưởng: 28 hộ gia đình, cá nhân

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng tiền

4. Phương án bố trí tái định cư: Không

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không

7. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 6.058.285.600 đồng

Trong đó:

- Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 6.058.285.600 đồng

8. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn của Nhà đầu tư

9. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Thời gian bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thông báo chi trả tiền lần đầu

III. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:

Giá trị BT, HT: Làm tròn đến hàng trăm đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
1	Hộ ông (bà): Lê Khắc Hiệu - Nguyễn Thị Hai					50.943.200	5.028.900	333.239.300	389.211.400
*	Số CCCD: 044162006242								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0775537475								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	70,30					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	909,70						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.294,0						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	12,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	10					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 175-1, 175-2, 176, 177 TBĐ số 8. Nguồn gốc đất: Thửa đất số 175 -1,175-2 TBĐ số 8 Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GiấyCNQSD đất số vào sổ H00207 ngày 05/6/2008; Thửa đất số 177 TBĐ số 8 Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ H00806 ngày 05/6/2008; thửa đất số 176 TBĐ số 8 Đất do ông, bà sử dụng để trồng lúa từ năm 1994, ổn định cho đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo Giấy xác nhận số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	m ²	909,7	56.000		50.943.200			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	909,70	280.000				254.716.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	909,70	5.600				5.094.320	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	3.600,0	19.000				68.400.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	534,9946	9.400				5.028.949	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 175-1, 175-2, 176, 177 TBĐ số 8.	m ²	909,70						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	534,9946	9.400			5.028.949		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
2	Hộ ông (bà): Bùi Thị Duẩn - Hoàng Văn Đàn					22.164.800	2.188.000	142.588.500	166.941.300
*	Số CCCD: 044167003638								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	79,90						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	395,80						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	495,4						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	12,00						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	4				Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026		
A	<u>Bồi thường về đất</u> (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 179 TĐĐ số 8. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ H00455 ngày 15/5/2008	m ²	395,8	56.000		22.164.800			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	<u>Các khoản hỗ trợ</u>								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	395,80	280.000				110.824.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	395,80	5.600				2.216.480	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.440,0	19.000				27.360.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	232,7700	9.400				2.188.038	Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
C	<u>Bồi thường về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 179 TĐĐ số 8.	m ²	395,80						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	232,7700	9.400			2.188.038		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
3	Hộ bà Hoàng Thị Chiến và những người thừa kế theo pháp luật của ông Bùi Văn Táng (đã chết)					33.510.400	3.308.000	198.457.100	235.275.500
*	Số CCCD: 044165001789								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	58,94					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	598,40						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.015,3						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	7					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 214-1 TBĐ số 8. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ H00511 ngày 15/5/2008	m ²	598,4	56.000		33.510.400			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	598,40	280.000				167.552.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	598,40	5.600				3.351.040	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.260,0	19.000				23.940.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	351,9190	9.400				3.308.039	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ chỉnh lý giấy CNQSD đất.	Giấy	1,00	306.000				306.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 15, QĐ số 30/2026/QĐ-UBND
C	<u>Bồi thường về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 214-1 TĐĐ số 8.	m ²	598,40						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	351,9190	9.400			3.308.039		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
4	Hộ ông (bà): Hoàng Văn Vê					41.658.400	4.112.400	237.090.200	282.861.000
*	Số CCCD: 044045002191								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0345619370								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	65,07					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	743,90						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.143,3						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	6					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	<u>Bồi thường về đất</u> (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LÚC), vị trí 1 xa đồng bằng tại thửa đất số 178,217 TĐĐ số 8. Nguồn gốc đất: Thửa đất số 178 TĐĐ số 8 Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ H00870 ngày 05/6/2008; Thửa đất số 217 TĐĐ số 8 Đất do ông, bà sử dụng để trồng lúa từ năm 1994, ổn định cho đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận theo Giấy xác nhận số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026.	m ²	743,9	56.000		41.658.400			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	743,90	280.000				208.292.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	743,90	5.600				4.165.840	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.080,0	19.000				20.520.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	437,4876	9.400				4.112.383	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 178,217 TĐĐ số 8.	m ²	743,90						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	437,4876	9.400			4.112.383		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
5	Hộ ông (bà): Đoàn Thị Gái					9.777.600	965.200	64.817.000	75.559.800
*	Số CCCD: 044146000058								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	13,09						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	174,60						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.333,4						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	4,00						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	6				Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026		
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 106-1 TĐĐ số 8. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00803 ngày 05/6/2008	m ²	174,6	56.000		9.777.600			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	174,60	280.000				48.888.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	174,60	5.600				977.760	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	720,0	19.000				13.680.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	102,6823	9.400				965.213	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ chỉnh lý giấy CNQSD đất.	Giấy	1,00	306.000				306.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 15, QĐ số 30/2026/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 106-1 TĐĐ số 8.	m ²	174,60						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	102,6823	9.400			965.213		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
6	Ông: Trần Đại Thắng (con trai) và những người thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Trần Minh Hoài(đã chết)					43.108.800	4.255.600	251.470.400	298.834.800
*	Số CCCD: 044066001053								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0855050507								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	57,43					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	769,80						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.340,4						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	8					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 141-1, 141-2 TBĐ số 8. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00812 ngày 05/6/2008	m ²	769,8	56.000		43.108.800			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyên đôi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	769,80	280.000				215.544.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	769,80	5.600				4.310.880	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.440,0	19.000				27.360.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	452,7194	9.400				4.255.562	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 141-1, 141-2 TĐĐ số 8.	m ²	769,80						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	452,7194	9.400			4.255.562		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
7	Hộ bà: Hoàng Thị Huệ(vợ) và những người thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Bùi Văn Lịch(đã chết)					5.885.600	581.000	37.743.600	44.210.200
*	Số CCCD:								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0837323919								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	14,58						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	105,10						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	721,0						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	4,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	3						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 142-1 TĐĐ số 8. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00826 ngày 05/6/2008	m ²	105,1	56.000		5.885.600			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqk x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	105,10	280.000				29.428.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	105,10	5.600				588.560	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	360,0	19.000				6.840.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	61,8093	9.400				581.008	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ chỉnh lý giấy CNQSD đất.	Giấy	1,00	306.000				306.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 15, QĐ số 30/2026/QĐ- UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 142-1 TBĐ số 8.	m ²	105,10						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	61,8093	9.400			581.008		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
8	Hộ ông (bà): Hoàng Thị Hộ					45.102.400	4.452.400	261.834.600	311.389.400
*	Số CCCD: 044145002909								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0905882212								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	50,41						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	805,40						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.597,6						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	8				Giấy XN số 4693/UBND-KTHTDT ngày 04/8/2026		
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 174-1, 174-2 TĐĐ số 8. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00818 ngày 05/6/2008	m ²	805,4	56.000		45.102.400			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kytđ = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	805,40	280.000				225.512.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	805,40	5.600				4.510.240	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.440,0	19.000				27.360.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	473,6557	9.400				4.452.364	Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 174-1, 174-2 TĐĐ số 8.	m ²	805,40						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	473,6557	9.400			4.452.364		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
9	Hộ ông (bà): Bùi Đình Luân - Hoàng Thị Hương					34.031.200	3.359.500	190.598.600	227.989.300
*	Số CCCD: 044159005579								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0782319908								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	37,36					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	607,70						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.626,4						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	4					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 215 TBĐ số 8. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00833 ngày 05/6/2008	m ²	607,7	56.000		34.031.200			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	607,70	280.000				170.156.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	607,70	5.600				3.403.120	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	720,0	19.000				13.680.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2 (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	357,3884	9.400				3.359.451	Mục A1, PL.I - QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 215 TĐĐ số 8.	m2	607,70						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2 (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	357,3884	9.400			3.359.451		Mục A1, PL.I - QĐ số 12/QĐ-UBND
10	Hộ ông (bà): Mai Thị Vui - Hoàng Văn Tri					33.880.000	3.344.500	230.852.500	268.077.000
*	Số CCCD: 044074000867								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0344361868								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	100,00						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	605,00						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	605,0						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	12,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	8						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 246-1, 246-2 TĐĐ số 8. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00508 ngày 05/6/2008	m ²	605,0	56.000		33.880.000			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	605,00	280.000				169.400.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	605,00	5.600				3.388.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	2.880,0	19.000				54.720.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	355,8005	9.400				3.344.525	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 246-1, 246-2 TĐĐ số 8.	m ²	605,00						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	355,8005	9.400			3.344.525		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
11	Hộ ông (bà): Hoàng Công Hỷ - Bùi Thị Thắm					2.055.200	202.900	24.670.400	26.928.500
*	Số CCCD: 044043002645								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	3,07						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	36,70						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.195,8						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	3,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	8						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 277-1 TBD số 8. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00589 ngày 2/5/2008	m ²	36,7	56.000		2.055.200			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyên đôi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² .(Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	36,70	280.000				10.276.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất.(Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	36,70	5.600				205.520	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	720,0	19.000				13.680.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2(Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	21,5833	9.400				202.883	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ chỉnh lý giấy CNQSD đất.	Giấy	1,00	306.000				306.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 15, QĐ số 30/2026/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 277-1 TBD số 8.	m2	36,70						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2 (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	21,5833	9.400			202.883		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
12	Hộ ông (bà): Hoàng Văn Vui - Bùi Thị Hoa					6.641.600	655.600	50.223.800	57.521.000

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
*	Số CCCD: 044062001560								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0336983479								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	4,87					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	118,60						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	2.435,7						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	3,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	9					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 253-1 TĐĐ số 9. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H01443 ngày 3/6/2008	m ²	118,6	56.000		6.641.600			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	118,60	280.000				33.208.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	118,60	5.600				664.160	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	810,0	19.000				15.390.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	69,7487	9.400				655.637	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ chỉnh lý giấy CNQSD đất.	Giấy	1,00	306.000				306.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 15, QĐ số 30/2026/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 253-1 TĐĐ số 9.	m ²	118,60						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	69,7487	9.400			655.637		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
13	Hộ ông (bà): Bùi Văn Riên - Hoàng Thị Lê					224.000	22.100	20.280.500	20.526.600
*	Số CCCD: 044065000644								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0905842845								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	0,28						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	4,00						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.429,5						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	3,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	11						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 283-1 TĐĐ số 9. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H0017 ngày 3/6/2008	m ²	4,0	56.000		224.000			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	4,00	280.000				1.120.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HDND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	4,00	5.600				22.400	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HDND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	990,0	19.000				18.810.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	2,3524	9.400				22.113	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ chỉnh lý giấy CNQSD đất.	Giấy	1,00	306.000				306.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 15, QĐ số 30/2026/QĐ- UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 283-1 TĐĐ số 9.	m ²	4,00						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	2,3524	9.400			22.113		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
14	Hộ ông (bà): Hoàng Văn Thắng - Hoàng Thị Minh					27.115.200	2.676.700	152.364.200	182.156.100
*	Số CCCD: 044161004162								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0352279679								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	23,68					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	484,20						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	2.044,6						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	5,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	4				Giấy XN số 4693/UBND-KTHTDT ngày 04/8/2026		
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 285 TĐĐ số 9. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H01405 ngày 3/6/2008	m ²	484,2	56.000		27.115.200			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	484,20	280.000				135.576.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	484,20	5.600				2.711.520	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	600,0	19.000				11.400.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	284,7580	9.400				2.676.725	Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 285 TĐĐ số 9.	m ²	484,20						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	284,7580	9.400			2.676.725		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
15	Hộ bà: Bùi Thị Vân (Chết) - hàng thừa kê gồm: Hoàng Ái Huyền (1978); Hoàng Ái Hiền (1973); Hoàng Văn Hòa (1983). Người được ủy quyền: Hoàng Ái Huyền					52.438.400	5.176.600	293.132.400	350.747.400
*	Số CCCD: 044078001070								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0342936978								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	100,00					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	936,40						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	936,4						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	12,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	3					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 406 TĐĐ số 9. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00645 ngày 3/6/2008	m ²	936,4	56.000		52.438.400			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt _k = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² .(Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	936,40	280.000				262.192.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất.(Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	936,40	5.600				5.243.840	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.080,0	19.000				20.520.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	550,6968	9.400				5.176.550	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 406 TBĐ số 9.	m ²	936,40						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	550,6968	9.400			5.176.550		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
16	Hộ ông (bà):Hoàng Thị Ránh					37.660.000	3.717.700	206.043.700	247.421.400
*	Số CCCD: 044144002314								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	67,89						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	672,50						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	990,6						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	3						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LÚC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 447,449-1,449-2 TBĐ số 9. Nguồn gốc đất: Thửa đất số 447 TBĐ số 8 Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00616 ngày 10/7/2009; thửa đất số 449-1, 449-2 TBĐ số 8 Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ H00618 ngày 2/5/2008	m ²	672,5	56.000		37.660.000			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	672,50	280.000				188.300.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	672,50	5.600				3.766.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	540,0	19.000				10.260.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	395,4973	9.400				3.717.674	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 447,449-1,449-2 TBĐ số 9.	m ²	672,50						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	395,4973	9.400			3.717.674		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
17	Hộ ông (bà):Phạm Khương - Mai Thị Ren					45.897.600	4.530.900	262.548.600	312.977.100
*	Số CCCD: 0440460035944								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình - phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0936102527								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	37,65						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	819,60						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	2.177,1						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	7				Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026		
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 450-1, 450-2 TĐĐ số 9. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00823 ngày 5/6/2008	m ²	819,6	56.000		45.897.600			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyên đôi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² .(Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	819,60	280.000				229.488.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất.(Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	819,60	5.600				4.589.760	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.260,0	19.000				23.940.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2(Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	482,0068	9.400				4.530.864	Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 450-1, 450-2 TĐĐ số 9.	m2	819,60						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2 (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	482,0068	9.400			4.530.864		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
18	Hộ bà: Nguyễn Thị Thuyết và những người thừa kế theo pháp luật của ông Hoàng Linh (đã chết)					53.244.800	5.256.200	324.684.600	383.185.600

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
*	Số CCCD: 045162000087								
*	Địa chỉ: TDP Diêm Bình - phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	91,33					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	950,80						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.041,1						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	12,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	7					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 72 TBĐ số 13. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00499 ngày 15/5/2008	m ²	950,8	56.000		53.244.800			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	950,80	280.000				266.224.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	950,80	5.600				5.324.480	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	2.520,0	19.000				47.880.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	559,1655	9.400				5.256.156	Mục A1, PL.I - QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 72 TĐĐ số 13.	m ²	950,80						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	559,1655	9.400			5.256.156		Mục A1, PL.I - QĐ số 12/QĐ-UBND
19	Hộ bà: Bùi Thị Hiền (Chết) - hàng thừa kê gồm: Đặng Thị Hiệp (1983); Đặng Thị Kiệp (1989); Đặng Thị Hồng (1980). Người được ủy quyền: Đặng Thị Hồng					71.848.000	7.092.600	394.037.400	472.978.000
*	Số CCCD: 044180009665								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	57,74						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	1.283,00						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	2.222,2						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	6						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 135 TĐĐ số 13. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00684 ngày 14/5/2008	m ²	1283,0	56.000		71.848.000			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kgh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	1.283,00	280.000				359.240.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	1.283,00	5.600				7.184.800	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.080,0	19.000				20.520.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	754,5323	9.400				7.092.604	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 135 TĐĐ số 13.	m ²	1.283,00						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	754,5323	9.400			7.092.604		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
20	Hộ ông (bà): Nguyễn Thị Hành- Nguyễn Văn Hoàng					42.856.800	4.230.700	257.000.400	304.087.900
*	Số CCCD: 044172002302								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0336513796								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	75,13						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	765,30						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.018,6						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	12,00						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	5				Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026		
A	<u>Bồi thường về đất</u> (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 152-1,152-2 TĐĐ số 13. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00678 ngày 14/5/2008	m ²	765,3	56.000		42.856.800			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt _k = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	<u>Các khoản hỗ trợ</u>								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyên đôi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² .(Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	765,30	280.000				214.284.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất.(Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	765,30	5.600				4.285.680	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.800,0	19.000				34.200.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2(Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	450,0729	9.400				4.230.686	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
C	<u>Bồi thường về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 152-1,152-2 TĐĐ số 13.	m2	765,30						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2 (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	450,0729	9.400			4.230.686		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
21	Hộ bà: Đặng Thị Dương (Chết)- hàng thừa kế gồm: Trần Thị Cẩm (đi khỏi địa phương). Người thay mặt thực hiện thủ tục GPMB: Trần Thị Diệu Linh (cháu ngoại)					41.972.000	4.143.300	252.400.500	298.515.800
*	Số CCCD: 044191004347								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh - Phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại:								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	70,01					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	749,50						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.070,5						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	12,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	5				Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026		
A	<u>Bồi thường về đất</u> (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 143 TĐĐ số 14. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00669 ngày 14/5/2008	m ²	749,5	56.000		41.972.000			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	<u>Các khoản hỗ trợ</u>								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² .(Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	749,50	280.000				209.860.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất.(Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	749,50	5.600				4.197.200	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.800,0	19.000				34.200.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	440,7810	9.400				4.143.341	Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 143 TBĐ số 14.	m ²	749,50						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	440,7810	9.400			4.143.341		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
22	Hộ ông (bà): Đỗ Hồng Chiến - Bùi Thị Thanh					36.573.600	3.610.400	207.235.800	247.419.800
*	Số CCCD: 044063010612								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - Phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0387310263								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	55,34					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	653,10						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.180,1						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	5					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 223 TBĐ số 14. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00661 ngày 14/5/2008	m ²	653,1	56.000		36.573.600			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	653,10	280.000				182.868.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	653,10	5.600				3.657.360	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	900,0	19.000				17.100.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	384,0881	9.400				3.610.428	Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 223 TĐĐ số 14.	m ²	653,10						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	384,0881	9.400			3.610.428		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
23	Hộ ông (bà): Đặng Thị Hân-Nguyễn Văn Bát					29.024.800	2.865.200	161.151.700	193.041.700
*	Số CCCD: 044168001684								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - Phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0948267195								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	47,95						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	518,30						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.080,9						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	3						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 232 TĐĐ số 14. <i>Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00681 ngày 14/5/2008</i>	m ²	518,3	56.000		29.024.800			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyên đôi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	518,30	280.000				145.124.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	518,30	5.600				2.902.480	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	540,0	19.000				10.260.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	304,8122	9.400				2.865.235	Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 232 TĐĐ số 14.	m ²	518,30						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	304,8122	9.400			2.865.235		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
24	Hộ ông (bà): Đoàn Hồng Phương - Đặng Thị Gái					27.126.400	2.677.800	195.742.500	225.546.700
*	Số CCCD: 044064001160								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - Phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0915016746								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	100,00					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	484,40						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	484,4						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	12,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	8					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 263, 290-1, 290-2 TĐĐ số 14. Nguồn gốc đất: Thửa đất số 263 TĐĐ số 14 Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ H00728 ngày 14/5/2008, thửa đất số 290-1, 290-2 TĐĐ số 14 Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số vào sổ H00729 ngày 14/5/2008	m ²	484,4	56.000		27.126.400			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	484,40	280.000				135.632.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	484,40	5.600				2.712.640	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	2.880,0	19.000				54.720.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	284,8756	9.400				2.677.831	Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 263, 290-1, 290-2 TĐĐ số 14.	m ²	484,40						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	284,8756	9.400			2.677.831		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
25	Hộ ông (bà): Nguyễn Văn Lân					2.917.600	288.000	22.313.800	25.519.400
*	Số CCCD: 044083010181								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - Phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0973515981								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	5,12						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	52,10						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.018,3						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	3,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	4						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 289-1 TĐĐ số 14. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số CH01179 ngày 18/8/2014	m ²	52,1	56.000		2.917.600			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	52,10	280.000				14.588.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ- HĐND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	52,10	5.600				291.760	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	360,0	19.000				6.840.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	30,6400	9.400				288.016	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ chỉnh lý giấy CNQSD đất.	Giấy	1,00	306.000				306.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 15, QĐ số 30/2026/QĐ-UBND
C	<u>Bồi thường về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 289-1 TĐĐ số 14.	m ²	52,10						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	30,6400	9.400			288.016		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
26	Hộ bà Phan Thị Tảo và những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Dẫn					14.537.600	1.435.100	96.402.900	112.375.600
*	Số CCCD: 044144004587								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - Phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0385422599								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	13,16					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	259,60						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.972,4						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	4,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	9					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	<u>Bồi thường về đất</u> (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 293-1 TBĐ số 14. <i>Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00664 ngày 14/5/2008</i>	m ²	259,6	56.000		14.537.600			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	<u>Các khoản hỗ trợ</u>								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyên đôi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	259,60	280.000				72.688.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	259,60	5.600				1.453.760	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.080,0	19.000				20.520.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	152,6708	9.400				1.435.105	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ chỉnh lý giấy CNQSD đất.	Giấy	1,00	306.000				306.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 15, QĐ số 30/2026/QĐ-UBND
C	<u>Bồi thường về tài sản trên đất</u>								
*	Thửa đất số 293-1 TBĐ số 14.	m ²	259,60						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	152,6708	9.400			1.435.105		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
27	Hộ ông:Trần Văn Ruỗi (đã chết)- hàng thừa kế gồm: Trần Thị Thắm(1969); Trương Thị Hòa(1973);Trần Đức Duy(1971).Người được ủy quyền: Trần Đức Duy					22.125.600	2.184.200	138.964.700	163.274.500
*	Số CCCD:044071001330								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - Phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0982690039								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	31,66					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	395,10						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.248,1						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	6,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	7					Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026	
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 295-1 TBĐ số 14. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00738 ngày 14/5/2008	m ²	395,1	56.000		22.125.600			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyên đôi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² .(Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	395,10	280.000				110.628.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất.(Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	395,10	5.600				2.212.560	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	1.260,0	19.000				23.940.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2 (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	232,3583	9.400				2.184.168	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 295-1 TĐĐ số 14.	m2	395,10						
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m2 (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	232,3583	9.400			2.184.168		Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
28	Hộ ông (bà): Nguyễn Thị Hào					19.012.000	1.876.800	112.824.000	133.712.800
*	Số CCCD: 044162008335								
*	Địa chỉ: TDP Đức Ninh Đông - Phường Đồng Hới								
*	Số điện thoại: 0378757998								
*	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp thu hồi trên diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	%	18,47						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
-	Diện tích đất nông nghiệp thu hồi công trình này	m ²	339,50						
-	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	m ²	1.838,0						
*	Thời gian được hỗ trợ ổn định đời sống	tháng	4,00						
*	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống	khẩu	6						Giấy XN số 4693/UBND-KTHTĐT ngày 04/8/2026
A	Bồi thường về đất (Bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 95 và Khoản 1 Điều 96 Luật đất đai 2024)								

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1 xã đồng bằng tại thửa đất số 294-1 TĐĐ số 14. Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy CNQSD đất số H00677 ngày 14/5/2008	m ²	339,5	56.000		19.012.000			Mục 1, PL.I-NQ số 12/2025/NQ-HĐND; Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (QĐ số 52/2026)
B	Các khoản hỗ trợ								
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương = 56.000 đồng x 5 = 280.000 đồng/m ² . (Quy định tại khoản 1 Điều 13 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	339,50	280.000				95.060.000	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh khi bị thu hồi đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất. (Quy định tại khoản 4 điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	m ²	339,50	5.600				1.901.200	Mục 1, PL.I-Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ ổn định đời sống. Mức hỗ trợ = 30kg gạo x số tháng x số khẩu x giá gạo (Quy định tại Điều 19 - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và khoản 1 Điều 11- Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	720,0	19.000				13.680.000	Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá - Chi Cục Thống kê
-	Hỗ trợ 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026) (Quy định tại khoản 4 Điều 15 - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026)	kg	199,6600	9.400				1.876.804	Mục A1, PL.I -QĐ số 12/QĐ-UBND
-	Hỗ trợ chính lý giấy CNQSD đất.	Giấy	1,00	306.000				306.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 15, QĐ số 30/2026/QĐ-UBND
C	Bồi thường về tài sản trên đất								
*	Thửa đất số 294-1 TĐĐ số 14.	m ²	339,50						

TT	Họ và tên	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Thành tiền (đồng)			Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ					Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng cộng (đồng)
-	Bồi thường 1 vụ lúa = Diện tích thu hồi x giá lúa x năng suất 0,5881kg/m ² (Năng suất vụ năm 2023 của Phường Đồng Hới theo CV số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026)	kg	199,6600	9.400			1.876.804		Mục A1, PL.I-QĐ số 12/QĐ-UBND
	TỔNG					853.333.600	84.238.300	5.120.713.700	6.058.285.600

Trong đó:

- Bồi thường về đất:

853.333.600 đồng

- Bồi thường về tài sản trên đất:

84.238.300 đồng

- Các khoản hỗ trợ khác:

5.120.713.700 đồng

Trong thời gian thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng có ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thì ghi ý kiến bằng văn bản (theo mẫu Phiếu lấy ý kiến đã đính kèm theo Phương án công khai) và gửi về tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị - Địa chỉ: số 08 - đường Văn Cao, phường Đồng Hới để Trung tâm tổng hợp, cùng với các đơn vị liên quan kiểm tra, xem xét và giải quyết. Thời gian gửi về chậm nhất trước ngày 19/08/2026. 

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT